

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DS-ST

Ngày 25/11/2022

Về việc “*Tranh chấp thừa kế; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan
2. Ông Trương Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Quy Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 10/02/2022 về “*Tranh chấp thừa kế; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST-DS ngày 03/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; cư trú: ấp H3, xã H4, thành phố X1, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Tiến V, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 1, khóm H2, phường X, thành phố X1, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Đặng Thanh N, sinh năm 1979; cư trú: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979; cư trú: ấp V, xã V1, huyện P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2021). (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Thanh H1 (Lý H1), sinh năm 1972; cư trú: ấp B, xã A2, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1982; (có mặt)

3.3. Cháu Đặng Minh T1, sinh năm 2003; (có mặt)

3.4. Cháu Đặng Thanh T2, sinh năm 2008;

Cùng cư trú: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của cháu Đặng Thanh T2: ông Đặng Thanh N và bà Nguyễn Thị Bích T (cha, mẹ của cháu T2) (có mặt)

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị M trình bày:* cha mẹ của bà là ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hương có 03 người con gồm: ông Đặng Thanh H1, ông Đặng Thanh N và bà. Cha mẹ chết không để lại di chúc nên bà yêu cầu chia thừa kế các di sản do cha mẹ để lại là căn nhà gắn liền với 166,2m² đất tọa lạc tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (chính lý ngày 20/01/2016). Bà M xác định di sản do cha mẹ để lại có giá trị khoảng 450.000.000 đồng nên bà yêu cầu ông Đặng Thanh N hoàn giá trị cho bà là 150.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T911548 (số vào sổ 04941QSDĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên được chỉnh lý để thừa kế cho ông Đặng Thanh N ngày 21/01/2021.

* *Bị đơn ông Đặng Thanh N và đại diện hợp pháp của ông N, ông Nguyễn Phước H trình bày:*

Ông N là con ruột của ông Đặng Văn Thành và bà Trịnh Thị Xẹ, cha mẹ của ông chỉ có 02 người con là ông N và ông Đặng Thanh H1. Năm 1982 mẹ ông mất và đến năm 1990, cha của ông sống chung với bà Nguyễn Thị Hương như vợ chồng và từ đó, ông và ông H1 sống chung cùng ông Thành, bà Hương cho đến khi lập gia đình. Năm 1997, khi đăng ký giấy khai sinh, cha của ông khai cha là Đặng Văn Thành, mẹ là bà Nguyễn Thị Hương.

Khi về chung sống với cha của ông, bà Hương có người con riêng là bà Nguyễn Thị M.

Khi chung sống, cha của ông có tạo lập được khối tài sản là diện tích đất 238,1m², thửa 30 tờ bản đồ 60, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04941QSDĐ/nB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên, trên đất có căn nhà cấp 4 của cha ông có diện tích 5m x 10m. Vì là con út nên cha có cho ông phần đất có diện tích 5m x 10m và ông xây dựng nhà liền kề căn nhà của cha ông với số tiền 200.000.000 đồng. Năm 2017, ông chi 20.000.000 đồng để tu bổ nhà của cha.

Năm 2014, bà Hường bị tai biến và ông là người trực tiếp chăm sóc cho bà Hường và đến năm 2016, cha ông cũng bị tai biến nên ông nhờ bà M chăm sóc bà Hường. Ngày 23/3/2020, cha ông mất và đến ngày 25/7/2020 bà Hường mất.

Do cha của ông đứng tên quyền sử dụng đất trong quá trình chung sống với bà Hường, không đăng ký kết hôn nên bà Nguyễn Thị M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Thành và bà Hường thì ông không đồng ý vì bà M không phải là con của ông Đặng Văn Thành.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Thanh H1 thống nhất với trình bày của ông N và không đồng ý theo yêu cầu của bà M, đồng ý để lại kỹ phần thừa kế của ông cho ông Đặng Thanh N hưởng.

- Bà Nguyễn Thị Bích T xác nhận bà và ông Đặng Thành N kết hôn năm 2002 và sinh sống với cha mẹ chồng là ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hường, sau đó cha có cho đất để cất nhà, việc cho đất chỉ nói miệng nhưng ai trong tông chi đều biết. Bà T còn xác nhận việc xây dựng nhà với số tiền 200.000.000 đồng và tu bổ nhà của cha là 20.000.000 đồng. Nay bà M yêu cầu chia thừa kế thì bà không đồng ý vì đất do ông Đặng Văn Thành đứng tên và đã chuyển tên sang cho chồng là ông Đặng Thanh N.

- Cháu Đặng Minh T1 thống nhất theo trình bày và ý kiến của ông N, bà T.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ; nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, trong đó căn cứ vào chứng thư định giá do Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt do các đương sự thống nhất lựa chọn, yêu cầu bị đơn phải chia thừa kế với số tiền 484.767.000 đồng, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đặng Văn Thành đứng tên, đã chỉnh lý biến động cho ông Đặng Thanh N đứng tên, rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi hoàn giá trị đất 50.000.000 đồng khi Nhà nước thu hồi 71,9m².

Các đương sự không thỏa T1 được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến:

- Bà Nguyễn Thị M yêu cầu chia di sản do cha mẹ là ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hường để lại, đồng ý nhận giá trị kỹ phần được hưởng là 250.000.000 đồng hoặc trong trường hợp ông Đặng Thanh N không có khả năng, không đồng ý hoàn giá trị kỹ phần của bà được hưởng là 250.000.000 đồng thì bà đồng ý nhận toàn bộ di sản và hoàn lại giá trị kỹ phần cho ông Đặng Thanh N và Đặng Thanh H1 mỗi người 250.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu chia di sản là số tiền 50.000.000 đồng do Nhà nước bồi thường khi thu hồi 71,9m² đất. Đồng ý số tiền ông N chi cho việc sửa chữa nhà ông Thành với số tiền 10.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M cho rằng ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hường là vợ chồng; khi còn sống, ông Thành và bà Hường có tạo lập được khối tài sản là nhà gắn liền với phần đất có diện tích 166,2m² tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông

Thành, bà Hường có 03 người con là bà Nguyễn Thị M, ông Đặng Thanh H1 và ông Đặng Thanh N. Ông Thành, bà Hường chết không để lại di chúc nên xác định bà M, ông H1 và ông N là hàng thừa kế thứ nhất của ông Thành, bà Hường nên bà M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Thành, bà Hường để lại là có căn cứ. Theo chứng thư định giá, di sản của ông Thành, bà Hường trị giá 1.454.288.600 đồng nên bà M yêu cầu ông N phải giao trả cho bà số tiền 484.767.000 đồng.

Tại phiên tòa, qua giải thích, động viên của Hội đồng xét xử, bà M đồng ý nhận phần di sản thừa kế của bà với số tiền 250.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà M và có lợi cho ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà M rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi 71,9m² vì số tiền này sử dụng cho ông Thành, bà Hường khi còn sống nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý trang 4 cho ông Đặng Thanh N đứng tên, hồ sơ cho thấy việc chỉnh lý là không đúng do việc phân chia thừa kế không có sự thỏa T1 của bà M nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đối với phần chỉnh lý biến động cho ông Đặng Thanh N đứng tên.

- Ông Đặng Thanh N xác nhận vẫn chăm sóc, tôn trọng và xem bà Nguyễn Thị Hường là mẹ và đồng ý chia cho bà Nguyễn Thị M giá trị kỷ phần là 100.000.000 đồng hoặc trường hợp bà M nhận toàn bộ di sản, kể cả phần nhà thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông thì bà M phải hoàn cho ông giá trị căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông và giá trị $\frac{3}{4}$ di sản theo chứng thư định giá, không đồng ý nhận giá trị kỷ phần thừa kế là 250.000.000 đồng. Ông còn cho rằng đã chi 20.000.000 đồng để sửa chữa, cải tạo nhà của ông Thành nhưng xác nhận không có tài liệu, chứng từ để chứng minh đã sử dụng để sửa chữa nhà ông Thành.

- Bà Nguyễn Thị Bích T và cháu Đặng Minh T1 thống với trình bày và ý kiến của ông Đặng Thanh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định; từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật nhưng chưa tuân thủ về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: ông Đặng Văn Thành và bà Trịnh Thị Xẹ có 02 con chung là ông Đặng Thanh H1 và ông Đặng Thanh N. Năm 1982 bà Xẹ chết, đến năm 1990 ông Thành sống chung với bà Nguyễn Thị Hường nhưng cho đến khi ông Thành, bà Hường chết vẫn không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà M, bị đơn ông N thừa nhận trong quá trình chung sống, lúc đầu ở ghe, sau đó, cha, mẹ là ông Thành, bà Hường cùng đi mua đất để cất nhà ở như hiện nay nên có căn cứ xác định 01 căn nhà diện tích 42,3m² gắn liền 166,2m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04941QSĐĐ/nB, ngày 24/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Đặng Văn

Thành đứng tên (đã chính lý trang 4, ngày 21/01/2021 để thừa kế cho ông Đặng Thanh N) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 10/5/2021 là di sản của ông Thành, bà Hương để lại và hai cụ chết không để lại di chúc nên nguyên đơn bà M là thừa kế của bà Hương yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà Hương là có căn cứ theo quy định Điều 650 BLDS. Lẽ ra, di sản $\frac{1}{2}$ của ông Thành và $\frac{1}{2}$ của bà Hương nhưng quá trình khởi kiện và tại phiên tòa, bà M thống nhất yêu cầu chia di sản thành 03 kỹ phần (bà M, ông H1, ông N) và bà M thống nhất năm 2002, cha, mẹ là ông Thành, bà Hương đã tặng cho ông N một phần đất ngang 5m, dài 10m đã cất nhà, sử dụng ổn định cho đến nay thuộc phần đất do ông Thành đứng tên như Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 10/5/2021. Xét thấy, tuy việc tặng cho đất giữa ông Thành, bà Hương với ông N không lập thành văn bản nhưng các bên thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận việc tặng cho này theo quy định pháp luật. Như vậy, di sản ông Thành, bà Hương để lại là 01 căn nhà diện tích 42,3m² gắn liền 116,2m² (trừ 50m² tặng cho N) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04941QSDĐ/nB, ngày 24/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Thành đứng tên (đã chính lý trang 4, ngày 21/01/2021 để thừa kế cho ông N) sẽ chia thừa kế theo pháp luật cho 03 người con (bà M, ông H1, ông N) là bảo đảm. Tuy nhiên, cũng cần xem xét chia cho bị đơn 01 kỹ phần do có công giữ gìn, bảo quản di sản vì ông Thành, bà Hương do ông N chăm sóc, sống chung trong căn nhà và trực tiếp quản lý tài sản (nhà, đất) nên chia thêm cho ông N 01 kỹ phần phù hợp theo quy định. Về ông N cho rằng ông đã sửa chữa nhà ông Thành với số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông không đưa ra được chứng cứ, chứng minh; còn bà M chỉ đồng ý việc ông N sửa chữa nhà ông Thành là 10.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí sửa chữa nhà ông Thành là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà M chỉ yêu cầu nhận giá trị kỹ phần được hưởng là 250.000.000 đồng so với kỹ phần được hưởng là ít hơn so với kết quả định giá của Công ty Giá Trị Việt và xin rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền bồi hoàn giá trị đất 50.000.000 đồng khi Nhà nước thu hồi 71,9m² là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần khởi kiện của bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đồng ý giao kỹ phần của ông được hưởng cho ông N hưởng; còn bà M chỉ yêu cầu nhận giá trị kỹ phần nên giao cho ông N tiếp tục quản lý toàn bộ di sản ông Thành, bà Hương. Ngược lại, bị đơn ông N phải có nghĩa vụ hoàn giá trị kỹ phần cho nguyên đơn là phù hợp.

Các đương sự phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An

Giang; đồng thời với việc giải quyết tranh chấp ấy có thể dẫn đến việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới đã cấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thủ tục:

[2.1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đặng Thanh H1 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, ông Đặng Thanh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: bà M khởi kiện yêu cầu ông Đặng Thanh N yêu cầu chia cho bà 150.000.000 đồng trên cơ sở bà dự tính giá trị di sản do ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hương để lại có giá trị khoảng 450.000.000 đồng, tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp và theo sự thống nhất của các đương sự về việc lựa chọn Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác định giá trị tài sản và theo chứng thư thẩm định giá, Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt xác định giá trị tài sản 1.454.288.600 đồng nên bà M yêu cầu ông N phải hoàn cho bà số tiền 484.767.000 đồng (đúng bằng 1/3 giá trị di sản mà bà M yêu cầu ban đầu), do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu của bà M tại phiên tòa là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: các đương sự đều xác định ông Thành, bà Hương không lập di chúc để quyết định về tài sản sau khi chết nên việc chia thừa kế đối với di sản do ông Thành, bà Hương để lại sẽ được thực hiện theo pháp luật.

[3.1] Về việc xác định hàng thừa kế:

[3.1.1] Về quan hệ thừa kế giữa ông Thành, bà Hương: theo sự xác nhận của các đương sự: ông Đặng Văn Thành và bà Trịnh Thị Xẹ có với nhau 02 con chung là ông Đặng Thanh H1 và ông Đặng Thanh N. Đến năm 1982, bà Xẹ chết và đến năm 1990 (sau ngày 01/7/1987) ông Thành sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Hương nhưng suốt quá trình chung sống và cho đến khi ông Thành, bà Hương chết vào năm 2020, ông Thành và bà Hương vẫn không đăng ký kết hôn nên giữa ông Thành và bà Hương không được xem là hôn nhân thực tế và không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên ông Thành, bà Hương không phải là người thừa kế theo pháp luật của nhau.

[3.1.2] Về quan hệ thừa kế giữa ông Thành, bà M: khi sống chung như vợ chồng với ông Thành, bà Nguyễn Thị Hương có con riêng là bà Nguyễn Thị M (không có quan hệ huyết thống với ông Thành) và theo trình bày của bà M, do ông Thành thương nên có nhận bà làm con và làm khai sinh cho bà, trong đó có ghi cha ruột là ông Đặng Văn Thành. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét trình bày trên của bà

M là không có cơ sở vì không có bất cứ tài liệu nào chứng minh ông Thành nhận bà Nguyễn Thị M làm con nuôi, cơ sở cho trình bày của bà M là giấy khai sinh của bà M được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng đăng ký ngày 20/8/2020, trong đó thể hiện tên mẹ Nguyễn Thị Hương, tên cha Đặng Văn Thành và người khai sinh là bà Nguyễn Thị M. Tài liệu này đã cho thấy rõ, người đi khai sinh là bà Nguyễn Thị M chứ không phải ông Đặng Văn Thành và thời điểm đăng ký khai sinh là ngày 20/8/2020, sau khi ông Đặng Văn Thành đã chết (chết ngày 23/3/2020). Ngoài ra, theo trình bày của ông H1, ông N và xác nhận của bà M, bà chung sống cùng ông Thành, bà Hương, ông H1 và ông N một thời gian ngắn, sau đó về sinh sống bên ngoài của bà M nên có thể thấy giữa ông Thành và bà M cũng không phát sinh quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì phân tích và căn cứ vừa nêu, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Thành và bà M không có quan hệ huyết thống, không có quan hệ cha – con nuôi, không có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nên giữa ông Thành và bà M không phải là người thừa kế theo pháp luật của nhau.

[3.1.3] Về quan hệ thừa kế giữa bà Hương, ông H1 và ông N: ông H1, ông N và bà Hương có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau từ năm 1990 cho đến năm 2020; hơn nữa, khi ông Thành đăng ký khai sinh cho ông H1 và ông N vào năm 1997, phần ghi tên mẹ có thể hiện bà Nguyễn Thị Hương. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm đăng ký khai sinh, bà Hương vẫn còn minh mẫn nhưng vẫn không có ý kiến phản đối, ngoài ra, theo sự thừa nhận của bà M thì bà biết việc ông Thành và bà Hương tặng cho ông N một phần đất có diện tích ngang 5m x 10m liền kề căn nhà của ông Thành, bà Hương tạo lập; điều đó chứng tỏ giữa họ muốn duy trì, gìn giữ mối quan hệ tốt đẹp và việc ở gần nhau cũng tiện cho việc chăm sóc lẫn nhau như lời thừa nhận của bà M về việc khi bà Hương bị bệnh tai biến, liệt giường, ông N là người chăm sóc cho bà Hương và chỉ khi ông Thành phát bệnh nằm liệt giường thì bà mới đón bà Hương về nhà bà để chăm sóc. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Hương, ông H1 và ông N là người thừa kế theo pháp luật của nhau do có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.2] Về thời điểm mở thời kế: theo tài liệu thu thập được và qua sự thừa nhận của đương sự, ông Đặng Văn Thành chết ngày 23/3/2020 nên ngày 23/3/2020 là thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất. Ngày 25/7/2020, bà Nguyễn Thị Hương chết và là thời điểm mở thừa kế lần thứ hai.

[3.3] Về di sản thừa kế và chia thừa kế của ông Thành, bà Hương:

[3.3.1] Về di sản:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sự thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: tuy ông Thành, bà Hương không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng nhưng các đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống, ông Thành và bà Hương đã cùng nhau tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà cấp 4 diện tích 42,3m² gắn liền với phần đất có diện tích 166,2m² nên Hội đồng xét xử xác định căn nhà cấp 4 có diện tích 42,3m² gắn liền với phần đất có diện tích 166,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04941/QSĐĐ/nB do Ủy ban

nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên là tài sản chung của ông Thành, bà Hương.

Sau đó, vào năm 2002, ông Thành và bà Hương đã tặng cho ông Đặng Thanh N một phần đất có diện tích ngang 5m x 10m thuộc phần đất được cấp giấy chứng nhận do ông Thành đứng tên. Việc tặng cho tuy không được các bên lập thành văn bản, không được công chứng, chứng thực và hiện nay vẫn chưa thực hiện các thủ tục theo quy định nhưng phần đất trên đã được ông Thành, bà Hương giao cho ông N và ông N đã cất nhà, sử dụng ổn định cho đến nay nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5m x 10m giữa ông Thành và bà Hương với ông N.

Do ông Thành, bà Hương tặng cho ông N phần đất có diện tích 50m² nên phần đất còn lại của ông Thành, bà Hương là 116,2m², căn nhà có diện tích 42,3m² và 36m² mái che. Theo giá do Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt định, giá trị tài sản của ông Thành, bà Hương còn lại là: (116,2m² x 7.853.000 đồng/m²) + (42,3m² x 3.500.000 đồng/m² x 40%) + (36m² x 400.000 đồng/m² x 40%) = 1.060.568.600 đồng.

Năm 2017, ông N cho rằng có chi 20.000.000 đồng để tu bổ, sửa chữa căn nhà của ông Thành, bà Hương nhưng ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và bà M thừa nhận số tiền ông N chi để sửa chữa căn nhà ông Thành, bà Hương là 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định số tiền 10.000.000 đồng là số tiền ông N đã chi để sửa chữa căn nhà của ông Thành, bà Hương và vì thế giá trị tài sản của ông Thành, bà Hương để lại sau khi khấu trừ chi phí sửa chữa là 1.050.568.600 đồng.

Khi ông Thành, bà Hương chết, mỗi người để lại phần di sản gồm: ½ căn nhà, ½ diện tích đất, ½ diện tích mái che và các di sản này có tổng giá trị 525.284.300 đồng.

[3.1.2] Về việc phân chia di sản:

Đối với di sản do ông Thành để lại: theo phân tích, đánh giá về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, di sản, Hội đồng xét xử quyết định chia di sản do ông Thành để lại cho ông H1 và ông N mỗi người ½ giá trị di sản nhưng do ông H1 có ý kiến dành kỷ phần của ông cho ông N được hưởng nên ông N được chia toàn bộ di sản của ông Thành trị giá 525.284.300 đồng.

Đối với di sản do bà Hương để lại: theo như phân tích, đánh giá, Hội đồng xét xử quyết định chia cho bà M, ông H1 và ông N mỗi người một kỷ phần thừa kế và do ông Đặng Thanh N là người có công trong việc giữ gìn, bảo quản di sản do bà Hương để lại và xét công sức, thời gian giữ gìn, Hội đồng xét xử quyết định trước khi phân chia, dành cho ông N một số tiền bằng 1/5 giá trị kỷ phần là 35.000.000 đồng và sau khi khấu trừ, di sản do bà Hương còn lại là 490.284.300 đồng được chia cho các thừa kế là bà M, ông H1, ông N mỗi người hưởng một kỷ

phần trị giá 163.428.100 đồng và do ông H1 để lại kỹ phần ông được hưởng cho ông N nên ông N được chia 02 kỹ phần thừa kế.

Xét nhu cầu sử dụng, điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, Hội đồng xét xử quyết định giao toàn bộ di sản do ông Thành, bà Hương để lại cho ông Đặng Thanh N quản lý sử dụng và ông N có trách nhiệm hoàn lại giá trị kỹ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị M.

[4] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ và qua tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ để xác định: căn nhà cấp 4 có diện tích 42,3m² gắn liền với phần đất 116,2m² (sau khi khấu trừ 50m² đất đã tặng cho ông N) hiện do ông Đặng Thanh N đứng tên quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T911548 (số vào sổ 04941QSDĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên được chỉnh lý để thừa kế cho ông Đặng Thanh N ngày 21/01/2021 là di sản do ông Đặng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hương để lại như phân tích, đánh giá, kết luận ở phần [3.3.1]; tuy nhiên khi chỉnh lý biến động cho ông Đặng Thanh N đứng tên theo thừa kế, cơ quan có thẩm quyền đã có thiếu sót trong việc xác định người để lại di sản và hàng thừa kế của người để lại di sản dẫn đến việc chỉnh lý biến động chưa chính xác nhưng do Hội đồng xét xử quyết định giao cho ông N toàn bộ di sản do ông Thành, bà Hương để lại nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T911548 (số vào sổ 04941QSDĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên được chỉnh lý để thừa kế cho ông Đặng Thanh N ngày 21/01/2021.

[5] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét việc bà Nguyễn Thị M rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 50.000.000 đồng do Nhà nước bồi thường khi thu hồi 71,9m² đất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà M.

[6] Về án phí: do Hội đồng xét xử chấp nhận chia thừa kế nên các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và do bà Nguyễn Thị M thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định giảm ½ tiền án phí cho bà M.

[7] Về chi phí tố tụng: trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với tổng cộng chi phí 6.979.500 đồng và do Hội đồng xét xử chấp nhận việc chia thừa kế nên các đương sự phải chịu tương ứng với phần di sản mà mình được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 34, 147, 157, 165, 217, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 649, 651, 653, 654 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị M.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc chia thừa kế đối với số tiền 50.000.000 đồng do Nhà nước bồi thường khi thu hồi 71,9m² đất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T911548 (số vào sổ 04941QSĐĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên được chỉnh lý để thừa kế cho ông Đặng Thanh N ngày 21/01/2021.

Giao toàn bộ di sản do ông Đặng Văn Thành, bà Nguyễn Thị Hương để lại cho ông Đặng Thanh N trị giá 1.050.568.600 đồng, gồm căn nhà có diện tích 42,3m² gắn liền với 166,2 m² đất (bao gồm 50m² đất ông N được ông Thành, bà Hương tặng cho năm 2002), đất tọa lạc tại ấp An Khánh, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T911548 (số vào sổ 04941QSĐĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 24/12/2001 cho ông Đặng Văn Thành đứng tên được chỉnh lý để thừa kế cho ông Đặng Thanh N ngày 21/01/2021. Trong đó:

Ông Đặng Thanh N được chia toàn bộ di sản do ông Đặng Văn Thành để lại trị giá 525.284.300 đồng, 02 kỷ phần do bà Nguyễn Thị Hương để lại trị giá 326.856.200 đồng và công sức gìn giữ tôn tạo di sản với số tiền 35.000.000 đồng. Tổng cộng, ông N được hưởng 887.140.500 đồng.

Ông Đặng Thanh N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M giá trị 01 kỷ phần do bà Nguyễn Thị Hương để lại với số tiền 163.428.100 đồng.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 4.085.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Thanh N phải nộp 38.614.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng:

Bà M phải nộp 1.338.700 đồng tiền đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá (đã nộp xong).

Ông Đặng Thanh N phải nộp 5.640.800 đồng tiền đo đạc, xem xét, thẩm định và định giá và do bà Nguyễn Thị M đã nộp nên ông Đặng Thanh N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5.640.800 đồng cho bà Nguyễn Thị M.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng Tòa án tỉnh).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng